

Bản án số: 375/2022/HC-PT

Ngày: 29/8/2022

*V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính, hành
vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tuấn;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân;

Ông Phạm Văn Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Lê Thị Thu Hà, Kiểm sát viên cao cấp.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2022 tại điểm cầu trung tâm: Phòng xét xử trực tuyến (số IV) – Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội; Điểm cầu thành phần: Phòng xét xử trực tuyến – Tòa án nhân dân tỉnh B, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai theo hình thức trực tuyến vụ án hành chính thụ lý số 124/2022/TLPT-HC ngày 12 tháng 4 năm 2022 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 22/2021/HC-ST ngày 12/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 7729 /2022/QĐ-PT ngày 12 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1985; địa chỉ: Số nhà X, phường H, quận C, thành phố Đ (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Người bảo vệ quyền lợi cho ông Nguyễn Mạnh H: Luật sư Hà Văn Anh – Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội (có mặt);

*** Người bị kiện:**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Duy Tr – Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lương Văn Ngh – Phó Giám đốc (có mặt);

2. Ủy ban nhân dân xã N, huyện V, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Doãn Văn Th – Phó Chủ tịch (có mặt);

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:**

Ông Đoàn Danh C sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1979; cùng trú tại: Thôn P, xã N, huyện V, tỉnh B (có mặt).

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo:**

1. Cụ Phạm Thị D, sinh năm 1935, địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện V, tỉnh B;
2. Bà Doãn Thị H, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện V, tỉnh B.
3. Bà Đoàn Thị H, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện V, tỉnh B;
4. Ông Đoàn Mạnh T, sinh năm 1971; địa chỉ: Số nhà W, ngõ X, phố Y, phường V, quận H, thành phố H;
5. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982; địa chỉ: Tiểu khu Z, xã T, huyện Th, tỉnh S;
6. Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình Th – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị H– Phó Giám đốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 25/12/2020, bản tự khai và các biên bản làm việc tiếp theo tại Tòa án, người khởi kiện ông Nguyễn Mạnh H trình bày:

Về nguồn gốc diện tích đất: Cụ Phạm Thị D kết hôn với cụ Đoàn T (tên khác là Doãn Tường) chết năm 2010. Cụ Đoàn T và cụ Phạm Thị D sinh được 5 người con gồm:

- Bà Doãn Thị V (chết năm 1985) kết hôn với ông Nguyễn Văn Ch, sinh được hai người con gồm: Anh và chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982; thường trú: Tiểu khu Z, xã T, huyện Th, tỉnh S.

- Bà Doãn Thị H, sinh năm 1964; thường trú: Thôn Đ, xã N, huyện V, tỉnh B.

- Bà Đoàn Thị H, sinh năm 1967; thường trú: Thôn N, xã N, huyện V, tỉnh B;

- Ông Đoàn Mạnh T, sinh năm 1971; thường trú: Số nhà W, ngõ X, phố Y, phường V, quận H, thành phố H.

- Ông Đoàn Danh C, sinh năm 1974; thường trú: Thôn P, xã N, huyện V, tỉnh B.

Trong thời kỳ hôn nhân cụ D và cụ Đoàn T có tạo lập được khối tài sản cụ thể như sau: Thửa đất số 271, tờ bản đồ số 06; địa chỉ thửa đất: Thôn P, xã N, huyện V, tỉnh B, diện tích 458,4m², trong đó đất ở: 360,0m², đất vườn: 98,4m²; thời hạn sử dụng: lâu dài; nguồn gốc sử dụng: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất; Giấy chứng nhận quyền sử dụng (viết tắt là GCNQSD) đất số: W067486 do UBND huyện V cấp ngày 12/8/2002, số vào sổ cấp GCNQSD đất 02365.

Quá trình thực hiện hành vi hành chính: Ngày 24/6/2019, cụ Phạm Thị D, bà Doãn Thị H, bà Đoàn Thị H, ông Đoàn Mạnh T, ông Đoàn Danh C tiến hành lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế do cụ Đoàn T (tức Doãn Tường, chết năm 2010) để lại tại UBND xã N, huyện V, tỉnh B. Theo nội dung lời chứng thì văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế: Cụ Phạm Thị D có giấy chứng minh nhân dân (CMND) số: 120377186. Bà Đoàn Thị H có CMND số: 121876922. Bà Đoàn Thị H có CMND số 121104919. Ông Đoàn Mạnh T có CMND số 013015291. Ông Đoàn Danh C có CMND số 121231603 đã ký và điểm chỉ trước mặt người chứng thực. Nhưng theo CMND số 121876922 do Công an B cấp ngày 25/12/2018 lại mang tên Doãn Thị H. Như vậy, thông tin của người yêu cầu chứng thực trong lời chứng của người thực hiện chứng thực không đồng nhất.

Trong nội dung văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế ngày 24/6/2019 có nội dung:

“Bằng văn bản này bà Phạm Thị D, bà Đoàn Thị Hiền, bà Đoàn Thị H, ông Đoàn Mạnh T, ông Đoàn Danh C thống nhất thỏa thuận như sau:

- Xin khai nhận di sản thừa kế của ông Đoàn T để lại là quyền sử dụng và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất nêu trên.

- Chúng tôi thỏa thuận tặng cho toàn bộ quyền sử dụng thửa đất và tài sản nêu trên cho bà Phạm Thị D”.

Người yêu cầu chứng thực đã yêu cầu hai nội dung gồm: Khai nhận di sản thừa kế và phân chia di sản thừa kế. Nhưng theo nội dung lời chứng của văn bản thỏa thuận trên thì UBND xã N sử dụng mẫu lời chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản để thực hiện hai nội dung trên là không tuân thủ quy định của pháp luật.

Mặt khác, anh và chị Nguyễn Thị H là con đẻ bà Doãn Thị V là người được thừa hưởng phần di sản thừa kế của bà Vinh. Nhưng khi tiếp nhận văn bản yêu cầu chứng thực thì người thực hiện chứng thực không hướng dẫn, phân tích về nội dung yêu cầu chứng thực, hậu quả, trách nhiệm pháp lý của văn bản chứng thực. Cụ thể trong trường hợp này người thực hiện chứng thực phải yêu cầu người chứng thực xác định rõ những ai là người được hưởng di sản thừa kế, cung cấp đúng, đủ thông tin của người được hưởng di sản thừa kế nếu còn vướng mắc về giấy tờ hoặc văn bản thỏa thuận trái pháp luật thì người thực hiện chứng thực có quyền từ chối chứng thực hợp đồng, giao dịch. Việc chứng thực văn bản trên đã bỏ sót hàng thừa kế làm ảnh hưởng đến quyền hưởng di sản của anh và chị Nguyễn Thị H.

Ngày 08/6/2019, Phó Chủ tịch UBND xã N là ông Doãn Văn Th tiếp tục chứng thực Văn bản tặng cho số: 51/2019, quyền số 01/2016-SCT/HĐ,GD (với nội dung bà Phạm Thị D tặng cho một phần tài sản cho ông Đoàn Mạnh T) và số 52/2019, quyền số 01/2016-SCT/HĐ (với nội dung bà Phạm Thị D tặng cho một phần tài sản cho ông Đoàn Danh C, bà Nguyễn Thị Th).

Nay anh khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh B xem xét, giải quyết:

- Hủy toàn bộ Văn bản chứng thực số 45/2019, quyền số 01/2016 - SCT/HĐ,GD ngày 24/6/2019; số 52/2019, quyền số 01/2016 - SCT/HĐ,GD và số 51/2019, quyền số 01/2016 - SCT/HĐ,GD chứng thực ngày 08/7/2019.

- Hủy GCNQSD đất số W 067486 do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện V đăng ký biến động ngày 26/6/2019, mang tên bà Phạm Thị D; số CS088661 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 29/7/2019, tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ông Đoàn Danh C, bà Nguyễn Thị Th số CS088662 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 29/7/2019, tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ông Đoàn Danh C.

Tại văn bản trình bày quan điểm và các biên bản làm việc tiếp theo tại Tòa án, người bị kiện là Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B do ông Lương Văn Nghiệp, chức vụ: Phó Giám đốc đại diện theo ủy quyền trình bày:

- Quá trình giải quyết hồ sơ đăng ký biến động (để thừa kế của hộ ông Đoàn T):

Ngày 12/8/2002, hộ ông Đoàn T được UBND huyện V cấp GCNQSD đất số W067486, thửa đất số 275, tờ bản đồ số 6, diện tích: 458,4m², địa chỉ thửa đất: Thôn P, xã N, huyện V, tỉnh B, mục đích sử dụng: 360m² đất thổ cư và 98,4m² đất vườn.

Ngày 25/6/2019, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện V tiếp nhận Hồ sơ đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất của cụ Phạm Thị D do nhận phân chia tài sản thừa kế của cụ Đoàn T (là chồng cụ D) đối với thửa đất số 275, tờ bản đồ số 6, diện tích 458,4m²; mục đích sử dụng: Đất ở nông thôn: 360,0m², đất vườn: 98,4m²; địa chỉ thửa đất tại thôn P, xã N, huyện V. Thành phần hồ sơ gồm:

+ Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế thửa đất số 275, tờ bản đồ số 6, diện tích 458,4m², địa chỉ thửa đất: Thôn P, xã N, huyện V, tỉnh B cho cụ Phạm Thị D đã được UBND xã N chứng thực ngày 24/6/2019.

+ Đơn đề nghị của cụ Phạm Thị D được Công an xã và UBND xã N xác nhận.

+ GCNQSD đất số W067486 mang tên hộ ông Đoàn T, do UBND huyện V cấp ngày 12/8/2002.

+ Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất của cụ Phạm Thị D.

+ Trích lục khai tử mang tên ông Đoàn T, trích lục số 228/TLKT-BS do UBND xã N cấp ngày 07/6/2019.

Sau khi xem xét, thẩm tra hồ sơ thấy hồ sơ đủ điều kiện đăng ký biến động, ngày 26/6/2019 Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện V ký xác nhận nội dung đăng ký biến động đất đai để thừa kế cho cụ Phạm Thị D trên trang 04 GCNQSD đất số W067486 nêu trên.

- Quá trình giải quyết hồ sơ đăng ký biến động (do tách thửa để tặng cho ông Đoàn Danh C (vợ là bà Nguyễn Thị Th) và ông Đoàn Mạnh T):

Ngày 08/7/2019, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện V tiếp nhận hồ sơ đăng ký biến động quyền sử dụng đất của cụ Phạm Thị D đề nghị tách thửa đất tặng cho 02 con là ông Đoàn Danh C (vợ là bà Nguyễn Thị Th) và ông Đoàn Mạnh T, địa chỉ thửa đất: Thôn P, xã N, huyện V, tỉnh B đối với thửa đất số 275, tờ bản đồ số 6, diện tích 458,4m²; mục đích sử dụng: Đất ở nông thôn: 360,0m², đất vườn: 98,4m²; địa chỉ thửa đất tại thôn P, xã N, huyện V. Thành phần hồ sơ gồm:

+ Hồ sơ đề nghị tách thửa đất số 275, tờ bản đồ số 6, diện tích 458,4m² của cụ Phạm Thị D. Kết quả đo đạc chỉnh lý thửa đất số 275, tờ bản đồ số 6, thành 02 thửa:

Thửa đất số 382, tờ bản đồ số 6, diện tích 338,4m² (gồm: 260,0m² đất ở và 78,4m² đất vườn), trong đó có 15,8m² đất vườn sử dụng chung với thửa đất số 383, tờ bản đồ số 6;

Thửa đất số 383, tờ bản đồ số 6, diện tích: 135,8m² (gồm 100,0m² đất ở và 35,8m² đất vườn), trong đó có 15,8m² đất vườn sử dụng chung với thửa đất số 382, tờ bản đồ số 6.

+ Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất thửa đất số 383, tờ bản đồ số 6, diện tích: 135,8m² (ONT: 100,0m²; CLN: 35,8m² trong đó có 15,8m² sử dụng chung với thửa đất số 382, tờ bản đồ số 6), địa chỉ thửa đất: Thôn P, xã N, huyện V, tỉnh B giữa cụ Phạm Thị D tặng cho ông Đoàn Mạnh T đã được UBND xã N chứng thực ngày 08/7/2019.

+ Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất thửa đất số 382, TBD: 6 diện tích 338,4m² (ONT: 260,0m² - CLN: 62,6m² trong đó có 15,8m² sử dụng chung với thửa đất số 383, tờ bản đồ số 6), địa chỉ thửa đất: Thôn P, xã N, huyện V, tỉnh B giữa bà Phạm Thị D tặng cho ông Đoàn Danh C và vợ là bà Nguyễn Thị Th đã được UBND xã N chứng thực ngày 08/7/2019.

GCNQSD đất số W067486 thửa đất số 275, Tờ bản đồ: 06, diện tích: 458,4m², địa chỉ thửa đất: Thôn P, xã N, huyện V, tỉnh B do UBND huyện V cấp ngày 12/8/2002 được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện V chỉnh lý biến động ngày 26/6/2019 mang tên cụ Phạm Thị D.

Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất của cụ Phạm Thị D;

Đơn đăng ký, cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Đoàn Danh C và bà Nguyễn Thị Th;

Đơn đăng ký, cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Đoàn Mạnh T;

Biên bản xác định vị trí về mục đích sử dụng đất ở ngày 28/6/2019 giữa UBND xã N và ông Đoàn Danh C, ông Đoàn Mạnh T;

Sau khi xem xét hồ sơ, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện V đã ký xác nhận đủ điều kiện và hoàn thiện thủ tục chuyển hồ sơ cho Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường cấp 02 GCNQSD đất gồm GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 088661 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 29/7/2019 mang tên ông Đoàn Danh C và bà Nguyễn Thị Th; GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với

đất số CS088662 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 29/7/2019 mang tên ông Đoàn Mạnh T.

Quan điểm của người bị kiện: Việc Sở Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh B, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện V đăng ký biến động quyền sử dụng đất, cấp GCNQSD đất do nhận thừa kế, nhận tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất giữa cụ Phạm Thị D, ông Đoàn Mạnh T và ông Đoàn Danh C (Nguyễn Thị Th) là đúng quy định, đảm bảo quyền của người sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 Điều 168 và khoản 1 Điều 188 Luật Đất đai năm 2013.

Về thẩm quyền: GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã được Văn phòng Đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện V thực hiện theo đúng quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 37 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 23 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Quyết định số 609/2015/QĐ-UBND ngày 04/11/2015 của UBND tỉnh B ban hành Quy chế phối hợp giữa Sở Tài nguyên và Môi trường với UBND các huyện, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức liên quan trong hoạt động của Văn phòng Đăng ký đất đai; Quyết định số 323/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của UBND tỉnh B về việc cho, phép Sở Tài nguyên và Môi trường ủy quyền cho Văn phòng Đăng ký đất đai cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Quyết định số 313/QĐ-TNMT ngày 29/5/2019 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B về việc ủy quyền cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Về trình tự, thủ tục: Xác nhận nội dung đăng ký biến động đất đai để thừa kế cho bà Phạm Thị D trên trang 04 GCNQSD đất số W 067486; cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 088661 ngày 29/7/2019 cho ông Đoàn Danh C và bà Nguyễn Thị Th; GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 088662 ngày 29/7/2019 cho ông Đoàn Mạnh T được thực hiện theo đúng quy định tại: Điều 8 và khoản 1 Điều 17 Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Điều 9 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 19/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

Quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 22/7/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc công bố Bộ thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường (Thủ tục số 09 Mục I).

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B xem xét giải quyết vụ án theo quy định của

pháp luật.

UBND xã N, huyện V, tỉnh B do ông Doãn Văn Thống, chức vụ Phó Chủ tịch đại diện theo ủy quyền tại phiên tòa trình bày: Việc UBND xã chứng thực các hợp đồng là trên cơ sở tự nguyện phân chia, thỏa thuận của cụ Phạm Thị D và các con của cụ D là ông Đoàn Danh C, ông Đoàn Mạnh T, bà Doãn Thị H và bà Đoàn Thị H. Tại thời điểm chứng thực cụ D và các ông bà đều cam kết khai đúng, khai đủ người được hưởng thừa kế nên UBND xã không nắm được cụ D còn có bà Doãn Thị V (chết năm 1985). Quan điểm của ông đại diện cho UBND xã là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B do bà Nguyễn Thị H, chức vụ: Phó Giám đốc đại diện theo ủy quyền trình bày: Thống nhất nội dung do người đại diện của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B đã trình bày.

Cụ Phạm Thị D, bà Doãn Thị H, bà Đoàn Thị H và chị Nguyễn Thị H trình bày: Thống nhất ý kiến và yêu cầu của người khởi kiện đã trình bày.

Ông Đoàn Danh C và bà Nguyễn Thị Th trình bày: Ông bà không đồng ý với yêu cầu của người khởi kiện. Nhất trí với quan điểm của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B.

Ông Đoàn Mạnh T trình bày: Thống nhất như ý kiến và yêu cầu của người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2021/HC-ST ngày 12/11/2021, Tòa án nhân dân tỉnh B đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 205, Điều 206, khoản 1 Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính; Điều 652 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 99, 100, 168, 188 Luật Đất đai năm 2013; khoản 3 Điều 36, Điều 57, 58 Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; Điều 29, 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Mạnh H về việc đề nghị Tòa án:

Hủy toàn bộ văn bản chứng thực: số 45/2019, quyền số 01/2016 - SCT/HĐ,GD ngày 24/6/2019; số 52/2019, quyền số 01/2016 - SCT/HĐ,GD và số 51/2019, quyền số 01/2016 - SCT/HĐ,GD chứng thực ngày 08/7/2019 của UBND xã N, huyện V.

Hủy đăng ký biến động ngày 26/6/2019 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V xác nhận cho bà Phạm Thị D tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: W 067486 do UBND huyện V cấp ngày 12/8/2002, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 02365 cho hộ ông Đoàn T.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 088661 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 29/7/2019, tên người sử dụng đất, quyền chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ông Đoàn Danh C, bà Nguyễn Thị Th và số: CS 088662 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 29/7/2019, tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà

ở và tài sản khác gắn liền với đất ông Đoàn Mạnh T.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 24/11/2021, ông Đoàn Danh C và bà Nguyễn Thị Th có kháng cáo đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo là ông Đoàn Danh C và bà Nguyễn Thị Th giữ nguyên yêu cầu và đề nghị không hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì nếu ông H nhận di sản thừa kế thì gia đình xin trả bằng tiền; nếu chia đất cho ông H được thừa kế thì không đủ diện tích để tách sổ.

Người bị kiện là Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B trình bày: Quá trình thực hiện hành vi hành chính đúng theo trình tự, thủ tục; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

Người bị kiện là Ủy ban nhân dân xã N trình bày: Các sai sót trong cấp giấy tờ là sai sót kỹ thuật và sơ suất kiểm tra giấy chứng nhận, sai sót này không lớn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về diện thừa kế, có đầy đủ cơ sở xác định ông H, bà Hoa là người thừa kế thế vị. Đối với các văn bản chứng thực của Ủy ban nhân dân xã N có sai sót về thủ tục và nội dung là không đúng pháp luật. Từ việc chứng thực sai nêu trên dẫn đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B thực hiện thủ tục sang tên, tách thửa và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự là không đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Cường và bà Thẩm, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của ông Đoàn Danh C và bà Nguyễn Thị Th làm trong thời hạn luật định, hình thức, nội dung phù hợp quy định, do vậy được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về đối tượng khởi kiện của vụ án, thời hiệu khởi kiện, quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[2.1] Các văn bản gồm: Văn bản chứng thực số 45/2019, quyền số 01/2016 - SCT/HĐ,GD ngày 24/6/2019; Văn bản chứng thực số 52/2019, quyền số 01/2016 - SCT/HĐ,GD và Văn bản chứng thực số 51/2019, quyền số 01/2016 - SCT/HĐ,GD chứng thực ngày 08/7/2019 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số W067486 do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện V đăng ký biến động ngày 26/6/2019, mang tên bà Phạm Thị D; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS088661 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 29/7/2019 mang tên ông Đoàn Danh C, bà Nguyễn Thị Th; Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 088662 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 29/7/2019 mang tên ông Đoàn Danh Tường là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính.

[2.2] Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 3 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính đây là quyết định hành chính và hành vi hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Việc Tòa án nhân dân tỉnh B thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng pháp luật.

[2.3] Theo người khởi kiện ông Nguyễn Mạnh H trình bày là đến ngày 01/6/2020 sau khi được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan thì ông mới biết việc chứng thực và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Ngày 25/12/2020 ông Nguyễn Mạnh H khởi kiện vụ án hành chính là còn trong thời hiệu 01 năm kể từ ngày biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính.

[2.4] Căn cứ vào giấy khai sinh của ông Nguyễn Mạnh H; lời khai của những người liên quan khác thì có căn cứ xác định ông Nguyễn Mạnh H là con đẻ của bà Doãn Thị V (chết năm 1985), là cháu ngoại của cụ Đoàn T. Do mẹ của ông H là bà Vinh đã chết nên ông H là người thừa kế thế vị theo quy định tại Điều 625 Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 79 và Điều 115 Luật Tổ tụng hành chính thì ông H có quyền khởi kiện đối với vụ án hành chính nêu trên.

[3] Xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính, hành vi hành chính bị kiện, thấy rằng:

[3.1] Đối với các văn bản chứng thực gồm: Văn bản số 45/2019, quyền số 01/2016 - SCT/HĐ,GD ngày 24/6/2019; Văn bản số 52/2019, quyền số 01/2016 - SCT/HĐ,GD và Văn bản số 51/2019, quyền số 01/2016 - SCT/HĐ,GD chứng thực ngày 08/7/2019 của UBND xã N, huyện V:

Theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/2/2015 của Chính phủ đã quy định: “Các bên tham gia hợp đồng, giao dịch phải ký trước mặt người thực hiện chứng thực”. Tuy nhiên, có căn cứ xác định những người yêu cầu chứng thực không thực hiện ký văn bản trước mặt người thực hiện chứng thực, mà văn bản được lập rồi trình ký sau, như vậy trình tự, thủ tục chứng thực không đúng theo quy định của pháp luật. Mặt khác, trên văn bản chứng thực ngày 08/7/2019, trong phần lời chứng ghi ngày 08/7/2019 nhưng trong phần ký và đóng dấu của Ủy ban nhân dân xã N lại ghi ngày 08/6/2019 là không thống nhất, vi phạm về thời gian chứng thực. Như vậy, trình tự, thủ tục chứng thực có nhiều vi phạm, không đúng pháp luật.

Về chủ thể tham gia chứng thực: Trong văn bản chứng thực ngày 24/6/2019, bà Doãn Thị H là một trong số những người được chứng thực và chứng minh nhân dân do bà cung cấp có số 121876922 do Công an B cấp ngày 15/12/2018 mang tên Doãn Thị H nhưng trong văn bản chứng thực ghi Đoàn Thị H là không đúng.

Có căn cứ xác định ông Nguyễn Mạnh H và bà Nguyễn Thị H là người thừa kế thế vị của bà Doãn Thị V nhưng trong biên bản thỏa thuận phân chia di sản

thừa kế không có ông H, bà Hoa là thiếu người thừa kế. Việc cụ D, bà Hiền, bà Hiền, ông Trường, ông Trường thỏa thuận phân chia di sản do cụ Tường để lại là không đúng quy định.

[3.2] Đối với đăng ký biến động ngày 26/6/2019 do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện V xác nhận cho cụ Phạm Thị D tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W067486 cấp ngày 12/8/2002:

Thửa đất diện tích 458,4m² là tài sản chung của cụ Phạm Thị D và cụ Đoàn T (Doãn Tường) và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các cụ vào năm 2002. Sau khi cụ Tường chết, trên cơ sở văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế lập ngày 24/6/2019 thì đến ngày 26/6/2019 Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện V đã chỉnh lý biến động mang tên cụ Phạm Thị D.

Tuy nhiên, việc ông Nguyễn Mạnh H và bà Nguyễn Thị H là người thừa kế thế vị của bà Doãn Thị V được quyền hưởng di sản của cụ Tường để lại nhưng không được tham gia thỏa thuận phân chia di sản và việc những người khác tự định đoạt phân chia tài sản, không có mặt ông H bà Hoa và sau đó được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V chỉnh lý biến động mang tên cụ Phạm Thị D là không đảm bảo quyền định đoạt về tài sản của người được hưởng thừa kế.

[3.3] Về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 088661 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 29/7/2019 mang tên ông Đoàn Danh C, bà Nguyễn Thị Th; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 088662 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 29/7/2019 mang tên ông Đoàn Mạnh T:

Do việc chứng thực không đúng trình tự, thủ tục và Biên bản thỏa thuận phân chia di sản không đầy đủ người được thừa kế tài sản dẫn đến việc Văn phòng đăng ký đất đai huyện V chỉnh lý biến động mang tên cụ Phạm Thị D là không đúng; tiếp đó việc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 088661 ngày 29/7/2019, tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ông Đoàn Danh C, bà Nguyễn Thị Th và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 088662 cấp ngày 29/7/2019, tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ông Đoàn Mạnh T là không đúng.

Từ những phân tích tại các mục [3.1], [3.2], [3.3] nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Mạnh H là có cơ sở để chấp nhận. Không có căn cứ chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của ông Đoàn Danh C và bà Nguyễn Thị Th.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Kháng cáo của ông Đoàn Danh C và bà Nguyễn Thị Th không được chấp nhận nên phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH

1. Bác kháng cáo của ông Đoàn Danh C và bà Nguyễn Thị Th; giữ nguyên quyết định tại Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2021/HC-ST ngày 12/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh B

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Đoàn Danh C và bà Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Biên lai thu số 0000251 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Tuyền Nguyễn Thị Thanh Xuân

Trần Văn Tuấn